

THÍCH ĐỨC THẮNG



Để trở thành người
PHẬT TỬ TẠI GIA

- ✿ Để trở thành người Phật tử tại gia
- ✿ Tam Bảo
- ✿ Quy y Tam Bảo
- ✿ Thọ Năm giới
- ✿ Trì Năm giới

PL.2550



BAN TU THU PHẬT HỌC
2006

Để trở thành người PHẬT TỬ TẠI GIA



I - DUYÊN KHỞI:

a) Nguyên nhân xa:

Vì xã hội Ấn Độ vào lúc bấy giờ, chính trị thì phân chia thành bốn giai cấp rõ ràng, có kẻ thống trị và người bị trị. Bất công xã hội ngày càng được củng cố bởi các hàng Tăng lữ Bà-la-môn và, giai cấp vua chúa. Hai giai cấp này đại diện cho kẻ thống trị, họ bóc lột tận xương tủy hai giai cấp dưới Phệ-xá, Thủ-đà-la; và biến hai giai cấp này thành những kẻ phục vụ cho hai giai cấp trên. Nhất là giai cấp Thủ-đà-la suốt đời làm nô lệ cho hai giai cấp trên như là một truyền thống cha truyền con nối, từ đời này sang đời khác. Về tư tưởng thì bị phân hóa, theo kinh Trường A-hàm 14, kinh Phạm Động thì vào lúc bấy giờ xã hội Ấn Độ có 62 loại kiến giải tà kiến của ngoại đạo. Đạo đức xã hội vào lúc bấy giờ dựa vào thần quyền. Tất cả mọi sinh hoạt đạo đức của con người, đều đặt đức

tin vào sự ban phước giáng họa của thần linh. Con người không làm chủ được chính mình, mà tùy thuộc vào một thượng đế tối cao, hay những thần linh nào khác, để rồi đánh mất tánh tự chủ và, trở thành vong thân.

Đứng trước một xã hội như thế, muốn trở lại với chính mình, và làm chủ vận mạng của chính mình thì dứt khoát phải từ bỏ quyền uy của Thánh kinh Veda, cũng như quyền uy của Phạm thiên như là một vị sáng thế và phải cắt đứt mọi mối quan hệ giữa người và thần linh, và chỉ nhìn nhận mối quan hệ duyên khởi giữa người và người, giữa người và mọi vật chung quanh với quan hệ bình đẳng. Lúc này con người mới thể hiện được tính nhân bản mà con người cần phải có trong sự hiện hữu của chính mình qua cuộc sống.

b) Nguyên nhân gần:

Nhân một buổi sáng đức Thế Tôn vào thành Xá-vệ khát thực, gặp một thanh niên tên là Thiện Sinh (Singālovāda) đang làm lễ ngoài thành, đức Phật hỏi lý do. Thiện Sinh trả lời là lúc cha mình sắp qua đời, người có dặn dò sáng nào cũng nên làm lễ sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới. Đức Phật liền chỉ dạy cho Thiện Sinh biết trong pháp của Ta cũng có lễ sáu phương, nhưng không có ý nghĩa như vậy.

Đức Phật giảng nói kinh này, nội dung chỉ rõ nếp sống đạo đức của người Phật tử tại gia, thay vì lễ phương Đông là lễ trời Đế Thích, thì lễ cha mẹ. Thay vì lễ phương Nam là lễ Diêm La vương, thì lễ sư trưởng. Thay vì lễ phương Tây là lễ Bà-la-na thiên thì lễ vợ.

Thay vì lễ phương Bắc là lễ Câu-tỳ-la thiên thì lễ bạn bè. Thay vì lễ phương Dưới là lễ Vu Hỏa thiên thì lễ tôi tớ. Thay vì lễ phương Trên là lễ Vu Phong thiên thì lễ Sa-môn, Bà-la-môn. Nhân phương pháp lễ lạy những người quá cố này, đức Phật dạy người Phật tử tại gia cần phải có bốn phận đối với chính mình và, đối với những quan hệ chung quanh.

II - ĐỐI VỚI BẢN THÂN:

Muốn trở thành một Phật tử tại gia chân chính, trước hết phải tự hoàn thiện bản thân chính mình trước đã, bằng cách quay về nương tựa nơi ba ngôi báu.

1 - Phật: Người đã giác ngộ hoàn toàn bản thể vũ trụ vạn hữu, các pháp hữu tình cũng như vô tình, các pháp xuất thế gian cũng như thế gian, các pháp hữu vi cũng như vô vi.

2 - Pháp: Là những lời dạy về những sở ngộ của đức Phật về phương pháp giác ngộ các pháp trong vũ trụ đưa đến giải thoát khổ đau và đạt an vui tịch diệt Niết-bàn.

3 - Tăng: Là đoàn thể Tăng già, hòa hợp thanh tịnh, là những người nối dõi hạt giống trí tuệ của chư Phật; đại diện cho chư Phật truyền trao Chánh pháp lại cho mọi người, khiến cho mọi người cùng giác ngộ như chư Phật.

Sau khi đã quay về nương tựa nơi ba ngôi báu, người Phật tử cần phải phát tâm cầu mong đạt được giác ngộ như chư Phật.

Kẻ đến phải giữ gìn, không được phạm vào những cấm giới mà mình đã nguyện thọ trì trong khi quy y thọ giới.

1/ Không sát hại những sinh vật có mạng sống.

2/ Không được trộm cắp những vật của kẻ khác mà họ không cho.

3/ Không được tà hạnh, (phải sống một nếp sống trong sạch, không phá vỡ tình cảm hạnh phúc gia đình mình, và hạnh phúc tình cảm gia đình kẻ khác. Không vượt qua khỏi chức năng làm vợ làm chồng của mỗi người.)

4/ Không được nói dối.

5/ Không được uống rượu.

Nếu phạm 4 điều giới cấm trên gọi là phạm ba nghiệp thân, khẩu và ý. Vì sao vậy? Vì hành vi của thân có ba: sát hại, trộm cắp, tà dâm; hành vi của miệng có bốn: nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi, nói lời thô ác. Nếu thân và miệng tạo ra những hành vi để trở thành nghiệp thì những tạo tác của thân và miệng ấy cũng chính là sự tạo tác của ý. Vì ý làm chủ, ý sai khiến thân và miệng tạo tác. Ý luôn câu hữu với tham, sân, si để nuôi lớn bản ngã; nên tham, sân, si là ba động cơ thúc đẩy ý thực hiện việc nuôi lớn bản ngã và vô minh qua thân và miệng trong tạo tác.

Người Phật tử muốn sống cuộc sống hạnh phúc thanh tao trong tâm hồn mình, thì phải giữ năm điều giới cấm trên. Vì lúc chúng ta giữ giới, không những tránh

được ba nghiệp ác của thân, miệng và ý trói buộc chúng ta vào sinh tử luân hồi khổ đau, mà còn mang lại cho người và vật những lợi lạc do việc giữ gìn giới của chúng ta mà ra.

Ngoài ra đức Phật còn phân tích có sáu nguyên nhân làm cho người thế gian khuynh gia bại sản đó là:

1/ Nghiện rượu,

2/ Cờ bạc,

3/ Sóng phóng dăng (rong chơi không đúng lúc)

4/ Say mê kỹ nhạc (la cà đình đám)

5/ Giao du bạn xấu,

6/ Lười biếng.

Đức Phật dạy:

“Lại nữa, này Thiện Sinh, nên biết, uống rượu có sáu điều lỗi: một, hao tài; hai, sanh bệnh; ba, đấu tranh; bốn, tiếng xấu đồn khắp; năm, bộc phát nóng giận; sáu, tuệ giảm dần.

“Này Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả ấy uống rượu không thôi thì nghiệp gia sản ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, cờ bạc có sáu điều tai hại: một, tài sản ngày một hao hụt; hai, thắng thì gây thù oán; ba, bị kẻ trí chê; bốn, mọi người không kính nể tin cậy; năm, bị xa lánh; và sáu, sanh tâm trộm cắp. Thiện Sinh, nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả mê đánh bạc mãi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, phóng đặng có sáu lỗi: một, không tự phòng hộ mình; hai, không phòng hộ được tài sản và hàng hóa; ba, không phòng hộ được con cháu; bốn, thường hay bị sợ hãi; năm, bị những điều khôn khéo ràng buộc xác thân; sáu, ưa sinh điều dối trá. Đó là sáu điều lỗi. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả phóng đặng mãi không thôi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, say mê kỹ nhạc có sáu lỗi: một, tìm đến chỗ ca hát; hai, tìm đến chỗ múa nhẩy; ba, tìm đến chỗ đàn địch; bốn, tìm đến chỗ tấu linh tay; năm, tìm đến chỗ có âm thanh vi diệu; sáu, tìm đến chỗ đánh trống.¹ Đó là sáu tai hại của kỹ nhạc. Nếu trưởng giả hoặc con trai trưởng giả say mê kỹ nhạc mãi không thôi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, giao du với bạn xấu có sáu lỗi: một, tìm cách lừa dối; hai, ưa chỗ thâm kín; ba, dụ dỗ nhà người khác; bốn, mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người khác; năm, xoay tài lợi về mình; sáu, ưa phan phui lỗi người. Đó là sáu tai hại về bạn xấu. Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả làm bạn với kẻ ác mãi thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán.

“Này Thiện Sinh, lười biếng có sáu lỗi; một, khi giàu sang không chịu làm việc; hai, khi nghèo không chịu siêng năng; ba, lúc lạnh không chịu siêng năng; bốn,

¹ Hán: ca, vũ, cầm sắt 歌舞琴瑟 (Pāli: vādita: tấu nhạc), ba nội tảo 波內早 (Pāli: pānissara?), đa-la-bàn 多羅盤 (Pāli: saravanti?), thủ ha na 首呵那 (Pāli ? So sánh: kumbhathunanti). No. 26. 135: 1. Hỷ văn ca 喜聞歌; 2. Hỷ kiến vũ 喜見舞; 3. Hỷ vãng tác nhạc 喜往作樂; 4. Hỷ kiến lộng linh 喜見弄冷

lúc nóng không chịu siêng năng; năm, lúc sáng trời không chịu siêng năng; sáu, lúc tối trời không chịu siêng năng. Đó là sáu điều tai hại của sự lười biếng. Nếu trưởng giả hay con trưởng giả lười biếng mãi, thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán.”

Trong bạn bè ta, đức Phật phân ra làm bốn loại bạn xấu:

1/ Cho ít, xin nhiều mưu lợi cá nhân,

2/ Đa ngôn xảo mép ngọt ngào, chỉ biết nói không biết làm,

3/ Nịnh hót (trước khen sau chê) tán đồng việc ác, chống lại việc thiện,

4/ Bạn ác ăn tiêu xa xỉ (rượu chè, cờ bạc, rong chơi phóng túng.)

Phật bảo Thiện Sinh:

“Hạng úy phục thì thường hay làm bốn việc: một, cho trước đoạt lại sau; hai, cho ít mong trả nhiều; ba, vì sợ gượng làm thân; bốn, vì lợi gượng làm thân.

“Hạng mỹ ngôn thì thường hay làm bốn việc: một, lãnh dữ đều chiều theo; hai, gặp hoạn nạn thì xa lánh; ba, ngăn cản những điều hay; bốn, thấy gặp nguy tìm cách đùn đẩy.

“Hạng không thuận thì thường làm bốn việc: một, việc trước đối trá; hai, việc sau đối trá; ba, việc hiện đối trá; bốn, thấy có một chút lỗi nhỏ đã vội trách phạt.

“Hạng bạn ác thì thường làm bốn việc: một, bạn lúc uống rượu; hai, bạn lúc đánh bạc; ba, bạn lúc dâm dật; bốn bạn lúc ca vũ.”

Và ngược lại, theo đức Phật có bốn hạng người bạn tốt thân nên thân cận:

1/ Ngăn ta làm điều quấy, thường khuyên ta làm điều lợi ích,

2/ Giàu lòng từ bi thương yêu người vật,

3/ Biết giúp đỡ,

4/ Chung thủy, đồng sự với mình.

Phật lại bảo Thiện Sinh:

“Này Thiện Sinh, hạng ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở: thấy người làm ác thì hay ngăn cản, chỉ bày điều chánh trực, có lòng thương tưởng, chỉ đường sinh Thiên.² Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy đem lại nhiều lợi ích và hay che chở. Hạng thương yêu thì thường làm bốn việc: Mừng khi mình được lợi, lo khi mình gặp hại, ngợi khen đức tốt mình, thấy mình nói ác thì tìm cách ngăn cản. Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở. Hạng giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là: che chở mình khỏi buồn lung, che chở mình khỏi hao tài vì buồn lung, che chở mình khỏi sợ hãi, khuyên bảo mình trong chỗ vắng người. Hạng đồng sự thì thường làm bốn việc: không tiếc thân mạng với bạn, không tiếc

² Hán: thị nhân thiên lộ 示人天路. Các bản Nguyên, Minh: thị nhân đại lộ 示人大路. Pāli: saggassa maggam acikkhati: chỉ cho con đường lên trời.

của cái với bạn, cứu giúp bạn khỏi sợ hãi, khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người.”

Những điều trên đây đức Phật dạy cho Phật tử tại gia, nếu muốn trở thành một Phật tử chân chính thì, phải tự thân mình thực hành những điều đó trong cuộc sống của chính mọi người. Có nghĩa là mọi người trước hết hãy hoàn thiện chính mình đã, rồi sau mới đem chúng hướng dẫn cho mọi người cũng thực hành như chính mình đã thực hành.

TAM BẢO



Tam bảo là chỉ cho ba ngôi báu hiện đang hiện hữu tại thế gian này. Chúng chính là đối tượng để cho mọi người ở thế gian này qui ngưỡng tôn kính và thừa sự Phật; và được học tập thực hành những lời dạy của Ngài về giải thoát khổ, để đạt được an vui như chính Ngài đã đạt, từ nơi các tập đoàn Tăng hòa hợp thanh tịnh hướng dẫn mọi người hoàn thành sứ mạng giải thoát khổ đau, và đạt an vui Niết-bàn. Đó chính là ba ngôi quý báu nhất ở trên đời này.

Tam bảo tiếng *Sanskrit* (Phạn) gọi là *Tri-Ratna* hay *Ratnatraya* tiếng *Pàli* gọi là *Ti-Ratana* hay *Ratanattaya*. Là chỉ cho ba ngôi báu: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, là đối tượng để cho Phật giáo đồ tôn kính cúng dường hay còn gọi là ba ngôi đáng tôn kính (*Tam tôn*):

- PHẬT (*Buddha*), là người giác ngộ hiểu biết hoàn toàn cả hai phương diện nhân sinh và vũ trụ, là vị giáo chủ của đạo Phật trong cõi ta-bà hiện tại nói riêng, và Ngài được người sau tái tạo lại qua điêu khắc, hội họa

bằng những hình ảnh nhằm biểu trưng sự hiện hữu của Ngài, qua đó Ngài được mọi người qui ngưỡng tôn kính và, tuân thủ thực hành theo những lời dạy của Ngài để được *giác ngộ* và *giải thoát* như Ngài; hay nói chung chỉ cho tất cả các đức Phật trong mười phương ba đời.

- PHÁP (*Dharma*), là chỉ cho giáo pháp mà đức Phật đã y cứ vào cái sở ngộ của mình đem tuyên thuyết dạy bảo mọi người thực hành theo đó để được như Ngài.

- TĂNG (*samgha*) chỉ cho tập đoàn Tăng đệ tử thanh tịnh hòa hợp, tu học thực hành theo giáo pháp của đức Phật.

Vì ba ngôi này oai đức cao cả không có gì trên chúng, chân thật vĩnh viễn không đổi dời, nên chúng như là của báu của thế gian cho nên gọi là bảo.

Tam bảo theo Cứu cánh nhưt thừa bảo tánh luận 2 thì có sáu nghĩa:

1. Nghĩa hy hữu: có nghĩa là Ba ngôi trên báu nhất này trải qua trăm ngàn vạn kiếp thế gian khó mà có được.

2. Nghĩa trong sáng: có nghĩa là Ba ngôi báu này xa lìa tất cả các pháp hữu lậu của thế gian, trở thành thanh tịnh không còn nhơ bẩn nữa.

3. Nghĩa thế lực: có nghĩa là Ba ngôi báu này oai đức đầy đủ, tự tại không thể nghĩ bàn.

4. Nghĩa trang nghiêm: có nghĩa là Ba ngôi báu này có thể trang nghiêm xuất thế gian, và chúng là của quý nhất như ở đời, có thể dùng chúng để trang nghiêm thế gian.

5. Nghĩa tối thắng: có nghĩa là Ba ngôi báu này đối trong pháp xuất thế gian thì chúng là thắng diệu tối thượng.

6. Nghĩa bất biến: có nghĩa là Ba ngôi báu này là pháp vô lậu, không bị tám pháp thế gian (chỉ cho đất, nước, lửa, gió cùng với sắc, hương, vị và xúc) làm biến dịch thay đổi.

Theo Đại thừa Pháp uyển nghĩa lâm chương 6, thì có bốn nghĩa:

1. Đối trị Tam bảo tà của ngoại đạo, có nghĩa là phản tà qui chánh.

2. Phật là đấng Điều ngự, Pháp là giáo pháp của đấng Điều ngự, Tăng là chúng đệ tử của đấng Điều ngự (Ở đây những gì được chứng ngộ của Ba ngôi báu thì vô lượng, về chủng loại thì tương đồng, nên hiệp lại thành một pháp; nhưng về phần nhân quả hỗ tương của người chứng ngộ có sai biệt, nên phân ra làm thầy và trò).

3. Là chỉ người thượng căn chứng ngộ Bồ-đề, nên gọi là Phật bảo; người trung căn muốn cầu trí tự nhiên mà liễu đạt pháp nhân duyên, nên gọi là Pháp bảo; người hạ căn nương vào thầy mà thọ pháp, lý sự không trái, nên gọi là Tăng bảo.

4. Phật như lương y, Pháp như thuốc tốt, Tăng như người chăm sóc (khán hộ); đối với một người bệnh hoạn mà nói thì, thầy thuốc hay, thuốc tốt và, người nuôi bệnh không thể nào thiếu.

Riêng *Du già Sư Địa luận 64* thì Tam bảo Phật, Pháp, Tăng có sáu nghĩa khác nhau:

1. Tướng riêng: Phật là tướng giác ngộ tự nhiên, pháp là tướng quả của giác ngộ, Tăng là tướng tùy thuộc vào sự giáo hoá của người mà tu hành.

2. Nghiệp riêng: Phật vì nghiệp mà chuyển chánh pháp dạy dỗ, Pháp vì nghiệp mà trừ bỏ những cảnh sở duyên của phiền não khổ, Tăng là vì nghiệp mà tăng trưởng đồng mãn.

3. Tín giải riêng: Đối với Phật bảo nên tin hiểu thừa sự và thân cận; đối với Pháp bảo nên tin hiểu mong cầu chứng đắc; đối với Tăng bảo nên tin hiểu đồng nhất hoà hợp tánh pháp mà cùng sống chung.

4. Tu hạnh riêng: Đối với Phật bảo nên tu chánh hạnh thừa sự cúng dường; đối với Pháp bảo nên tu chánh hạnh tìm cách tư duy (phương tiện du già); đối với Tăng bảo nên tu chánh hạnh cùng thọ nhận tài và pháp (thí).

5. Theo niệm riêng: Niệm tùy thuộc vào tướng Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

6. Sinh phước riêng: Đối với Phật bảo nương vào một hữu tình mà sinh ra phước đức tối thắng, đối với Pháp bảo nương vào pháp này mà sinh ra phước đức tối thắng, đối với Tăng bảo nương vào nhiều hữu tình mà sinh ra phước đức tối thắng.

Nếu chúng ta căn cứ vào các bộ luận thì Tam bảo được phân ra làm nhiều loại khác nhau. Thông thường thì có ba loại:

1. Biệt tướng Tam bảo: còn gọi là Biệt thể Tam bảo, hay Giai thể Tam bảo, tức là chỉ cho Phật, Pháp, Tăng; tự chúng mỗi ngôi có mỗi sự tương biệt không đồng.

Phật lúc mới thành đạo dưới bóng cây Bồ-đề, lúc này thân Ngài chỉ cao một trượng sáu, và khi Ngài nói kinh Hoa Nghiêm thì, thị hiện thân Phật Lô-giá-na. Đó gọi là Phật bảo.

Trong vòng năm thời giáo, Ngài thuyết các Kinh, Luật Tiêu thừa và Đại thừa. Đó gọi là Pháp bảo.

Các hàng vâng theo những lời dạy của Ngài tu tập đắc các quả Thinh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát v.v.. Đó gọi là Tăng bảo.

2. Nhất thể Tam bảo: còn gọi là Đồng thể Tam bảo, hay Đồng tướng Tam bảo theo ý nghĩa và bản chất của chúng mà nói thì, Tam bảo Phật, Pháp, Tăng y cứ vào trên tên gọi thì có ba, nhưng y cứ vào thể tánh thì chúng là một.

Thí như Phật thì phải lệ thuộc vào người đã giác ngộ mà nói, là chỉ thể tính giác linh chiếu soi các pháp chẳng phải không, chẳng phải có nên gọi là Phật bảo; nhưng Phật-đức viên mãn dùng để làm nguyên tắc chung cho tất cả, đó chính là pháp tánh tịch diệt, mà tánh đức lúc nào cũng có thể duy trì nguyên tắc chung, nên gọi là Pháp bảo; hơn nữa, Phật chỉ cho trạng thái hoà hợp vô tranh hoàn toàn, trong khi đặc chất của Tăng đoàn là hoà hợp vô tranh, nên cũng gọi là Tăng bảo. Như vậy, trong Phật bảo đã có đầy đủ Tam bảo.

3. Trụ trì Tam bảo: là chỉ cho Tam bảo được lưu truyền để duy trì những lời Phật dạy sau này, tức là chỉ cho Tam bảo như Phật tượng, Kinh điển, và các Tỳ-kheo xuất gia.

Theo Đại thừa thì, bát tướng thành đạo (tám hiện tượng trong lúc đức Phật thành đạo: Tướng Đâu-suất hiện xuống, tướng thác thai, tướng giáng sinh, tướng xuất gia, tướng hàng ma, tướng thành đạo, tướng thuyết pháp và tướng Niết-bàn) là chỉ cho Trụ trì Phật bảo; tất cả những giáo pháp làm lợi ích cho đời là Trụ trì pháp bảo; chúng ba thừa được hình thành để giáo hoá thì, gọi là Trụ trì Tăng bảo. Cả ba ngôi này gọi là Trụ trì Tam bảo.

Ngoài ba loại Tam bảo trên ra, còn có bốn loại Tam bảo gồm có: Nhất thể Tam bảo, Duyên lý Tam bảo, Hoá tướng Tam bảo, và Trụ trì Tam bảo; hay còn có sáu loại Tam bảo gồm: Đồng thể Tam bảo, Biệt thể Tam bảo, Nhất thừa Tam bảo, Tam thừa Tam bảo, Chơn thật Tam bảo, và Trụ trì Tam bảo.

Vì Tam bảo có liên hệ đến căn nguyên thoát khổ của con người nên, người đời muốn thoát khổ thì phải quay về nương tựa nơi Tam bảo và thọ trì năm điều cấm giới chúng ta mới thoát khổ và đạt được đến Niết-bàn an vui tự tại.

QUY Y TAM BẢO



A - QUY Y TAM BẢO

Quy y Tam bảo còn gọi là Tam quy y, Tam quy, Tam tự quy, Tam quy giới, hay Thú Tam qui y. Tam quy y theo tiếng *Sanskrit* gọi là *Tri-Sāraṇa-Gamana*, *Pali* gọi là *Ti-Saraṇagamana*, có nghĩa là cứu hộ, hướng về.

Vậy Tam quy y có nghĩa là quay đầu nương tựa vào ba ngôi báu, để cầu mong cứu hộ thoát khỏi vĩnh viễn tất cả mọi khổ đau. Tức có nghĩa là quay về nương tựa nơi Phật, quay về nương tựa nơi Pháp, quay về nương tựa nơi Tăng. Và khi chúng ta muốn trở về nương vào Tam bảo để trở thành một người con Phật thật sự thì phải trải qua một nghi thức hành lễ quy y và nhận lãnh năm điều cấm giới, tùy theo sự phát nguyện thọ trì của mình một trong năm điều giới cấm đó. Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, lúc này chưa có Tăng bảo, nên chỉ có quy y nhị bảo tức chỉ cho đức Phật và Giáo pháp của Ngài. Và theo *Ngũ phần luật 15* thì người lãnh thọ Tam quy giới đầu tiên chính là thân phụ của Tỳ-kheo Da-xá.

I - PHÂN LOẠI TAM QUY Y

Tam quy y có thể phân ra làm hai loại:

1/ *Phiên (bỏ) tà Tam quy*: Tức là bỏ tà đạo mà quay về chính đạo để nhận lãnh Tam quy y (Phật, Pháp, Tăng).

2/ *Thọ giới Tam quy*: Gồm có bốn loại:

- *Ngũ giới Tam quy*: dành cho các vị tín đồ sống tại gia, trước khi muốn nhận lãnh năm giới thì vị đó phải nhận lãnh quy y Tam bảo trước rồi sau đó mới nhận lãnh năm điều giới cấm.

- *Bát giới Tam quy*: người muốn thọ Bát trai giới thì trước hết người đó phải nhận lãnh quy y Tam bảo, rồi sau đó mới nhận lãnh bát trai giới.

- *Thập giới Tam quy*: dành cho những vị mới xuất gia, trước khi nhận lãnh mười giới để trở thành Sa-di, Sa-di-ni thì trước tiên phải nhận lãnh quy y Tam bảo, sau đó mới được phép nhận lãnh mười giới.

- *Cụ túc giới Tam quy*: dành cho những vị nhận lãnh cụ túc giới để trở thành một vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, trước tiên phải nhận lãnh quy y Tam bảo, sau đó mới được phép nhận lãnh cụ túc giới.

II - MỤC TIÊU HƯỚNG ĐẾN CỦA QUY Y TAM BẢO

Theo *Câu Xá luận 14* thì, mục tiêu hướng đến của quy y Tam bảo là nhằm giải thoát vĩnh viễn tất cả mọi khổ đau cho chúng sanh.

Theo *Đại thừa Nghĩa chương 10* thì đưa ra ba nghĩa:

- 1/ Xa lìa ác bất thiện của sinh tử.
- 2/ Mong cầu Niết-bàn xuất thế.
- 3/ Lợi ích chúng sanh.

Theo phần cuối quyển đầu của Pháp giới Thứ đệ Sơ môn thì Giáo pháp của đức Phật lấy dụng Tam quy này làm gốc, nhằm phá ba tà (Tà ngữ: do sân, si sinh ra nghiệp của lời nói; tà nghiệp: do sân, si sinh ra nghiệp của thân; tà mạng: do tham dục sinh ra hai nghiệp thân và ngữ), để cứu ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), tiếp dẫn ba thừa (Thịnh văn, Duyên giác, Bồ tát) ra khỏi ba hữu (Dục hữu: gồm có trời dục giới, người, tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, ở những nơi này tùy theo nghiệp nhân của chúng sinh mà thọ quả báo nên gọi là dục hữu; sắc hữu: chỉ cho sắc giới chư thiên Tứ thiên, tuy xa lìa thân thô nhiễm dục giới, nhưng lại có sắc thanh tịnh, nên gọi là sắc hữu; vô sắc hữu: là cõi vô sắc của chư thiên tứ không, tuy không có sắc chất làm chướng ngại, nhưng cũng tùy theo nhân đã làm ra mà chịu quả báo, nên gọi là vô sắc hữu), thông cho tất cả các giới phẩm, cùng các pháp lành của xuất thế.

Vậy mục tiêu hướng đến của việc Quy y Tam bảo là nhằm hoàn thiện luật tắc nhân quả qua quan hệ lệ thuộc thời gian, trong việc giải thoát tất cả mọi khổ đau mà chúng ta phải chịu trong ba cõi sáu đường về sinh tử của thế gian, để đạt đến cứu cánh Niết-bàn an vui xuất thế của phân đoạn sinh tử, chứ chúng ta chưa đề cập đến vấn đề biến dịch sinh tử trong nhận thức của Quy y Tam bảo.

Về văn cú cho nghi thức tổ chức lễ Quy y Tam bảo thì, trong nhiều bộ luận đều có ghi rõ ràng về vấn đề quy kính Tam bảo này như trong luận *Đại Trí Độ 1*, luận *Cứu Cảnh Nhất Thừa Bảo tánh 1*, luận *Đại Thừa Khởi tánh*, luận *Phật Mẫu Địa Kinh 1*, và luận *A-tỳ-đàm Tâm* đều có đưa ra văn dùng để đề đầu kính lễ đối với Tam bảo. Ngoài ra, nghi thức lúc thọ trì Tam quy còn tùy thuộc vào những lời dạy của các Giới sư.

Theo Tỳ-ni thảo yếu 5 (Vạn bản Tục 70, tr. 176c) ghi thì: “Con tên là... nguyện suốt đời nương về Phật, nương về Pháp, nương về Tăng (nói lên ba lần); Con tên là... đã nguyện suốt đời nương về Phật rồi, đã nguyện suốt đời nương về Pháp rồi, đã nguyện suốt đời nương về Tăng rồi (nói lên ba lần)”.

Theo Nghi thức thọ Bồ-tát giới của Trạng Nhiên (Vạn bản, Tục 105, tr. 5c) thì ghi: “Đệ tử tên là... nguyện thân, từ nay cho đến tận biên tế đời vị lai nương về Phật lương túc tôn, nương về Pháp ly dục tôn, nương về Tăng chúng trung tôn (nói lên ba lần). Đệ tử tên là... đã nguyện thân, từ nay cho đến tận biên tế của đời vị lai nương về Phật lương túc tôn rồi, đã nương về Pháp ly dục tôn rồi, đã nương về Tăng chúng trung tôn rồi (nói lên ba lần).”

Theo *Tuyển trạch bốn nguyện niệm Phật*, của Nhật Tăng-Nguyên Tín thì, Tam quy y có thể phân chia ra làm hai thừa riêng biệt: “*Nguyện suốt đời*” là Tam quy của Tiểu thừa, “*Tận biên tế đời vị lai*” là Tam quy y của Đại thừa.

Giữa Quy y và Kính lễ theo *Đại thừa Pháp uyển Nghĩa lâm chương 4*, thì quy y và lễ kính có bảy loại:

1/ Quy y chỉ lệ thuộc vào hai nghiệp thân và ngữ (khẩu), còn lễ kính thì cho cả ba nghiệp thân, ngữ và ý.

2/ Trong Quy y có đầy đủ cả Tam bảo, đối tượng của nó so ra thì rộng rãi; trong khi lễ kính chỉ quy kính một tôn (một trong ba tôn: Phật, Pháp, Tăng), đối tượng của nó chưa rộng.

3/ Quy y lệ thuộc vào giới hạn của thời gian, cho nên nói rằng: “Tận biên tế đời vị lai” còn lễ kính không lệ thuộc vào giới hạn, vì dùng tâm kính ngưỡng nên không thể kể là lâu hay là tạm thời của một thời gian giới hạn nào đó.

4/ Quy y với lòng thành khẩn, tạo ra biểu nghiệp cùng vô biểu nghiệp; còn kính lễ chỉ cần thiện biểu nghiệp tức là thành tựu.

5/ Quy y tất cần hai nghiệp thân, khẩu, ý nghĩa của nó sâu rộng; kính lễ chỉ cần đủ một tức là thành tựu.

6/ Quy y cần phải biểu hiện nơi hình tướng, cho nên chỉ có ở hai cõi dục và sắc; còn kính lễ chung cho cả ba cõi dục, sắc và vô sắc.

7/ Quy y quán sát lý chân thật mà thành, nghĩa của nó hơn hết; kính lễ chỉ cần kính trọng Hiền thánh là thành tựu, nghĩa của nó vào hàng thứ yếu.

THỌ NĂM GIỚI

Sau khi người Phật tử tại gia đã nhận lãnh Tam quy y rồi, tất nhiên sau đó phải lãnh thọ năm điều giới cấm mà đức Phật đã phương tiện chế ra cho những người nam, nữ tại gia thọ trì để trở thành một vị Cư sĩ nam (Ưu-bà-tắc) và Cư sĩ nữ (Ưu-bà-di) của đức Phật.

Năm giới tiếng *Sanskrit* gọi là *Pañca Śīlāni*, chỉ cho năm giới điều cấm chế dành cho các nam nữ tại gia, hoàn thành chức năng làm một cận sự nam, cận sự nữ tại gia của Phật, trong việc giải thoát khổ sinh tử đạt đến an vui Niết-bàn. Chúng ta có thể phân ra làm ba loại:

I - Năm điều giới cấm, còn gọi Ưu-bà-tắc ngũ giới, hay là Ưu-bà-tắc giới, dành cho các nam nữ tại gia thọ trì, theo các kinh: *Tạp A Hàm 33*, *Tăng Nhất A Hàm 20*, *Tỳ-ni Mâu 1*, *Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã số 2*, và các luận *Đại Trí Độ 13*, *Tát-bà-đa Tỳ-bà-sa 1*, *Câu Xá 14*, cùng phần thượng của *Ma-ha Chỉ quán 6* thì có:

1/ Sát sinh,

2/ Trộm cắp (không cho mà lấy),

3/ Tà dâm (phạm vào chức năng làm vợ làm chồng của mình),

4/ Vọng ngữ (lời nói hư dối),

5/ Uống rượu.

Theo *Kinh lượng bộ* Tiểu thừa thì, chỉ cần thọ Tam quy y tức thành Ưu-bà-tắc, và cho phép các vị nam nữ tại gia tùy theo khả năng của mỗi người mà có thể phân biệt năm giới và, theo khả năng đó mà phát nguyện thọ trì; còn theo *Nhất thiết hữu bộ* thì, trước hết cần phải thọ Tam quy y, sau đó mới thọ đủ năm giới mới gọi là Ưu-bà-tắc, cho nên không cho phép phân chia năm giới ra và theo khả năng của mỗi người mà nhận lãnh giới mình có thể phát nguyện thọ trì.

Trong năm giới thì, bốn giới trước thuộc về tánh giới (giới này dù Phật có ra đời hay không ra đời, có chế giới hay không chế giới thì, giới này vẫn có giá trị phổ quát, ai làm tức là phạm), còn một giới sau thuộc về giá giới (Giới này là giới chế ra để ngăn cấm những người đã phát nguyện thọ trì nó, nếu ai làm thì phạm, còn ai không phát nguyện thọ trì thì không chịu sự lệ thuộc của giới này, và không phạm). Và cũng trong năm giới này ba giới đầu dùng để phòng thân, giới thứ tư dùng phòng khẩu (miệng), giới thứ năm thông cho việc phòng thân và khẩu.

II – Năm điều giới cấm, cũng dành cho nam nữ tại gia thọ trì theo các *kinh Quán đảnh 1, Ưu-bà-tắc Ngũ giới Oai nghi kinh*, cùng *Tứ Thiên vương kinh* thì có:

- 1/ Sát sinh,
- 2/ Trộm cắp,
- 3/ Tà dâm,
- 4/ Lưỡng thiệt, Ác khẩu, Vọng ngôn, Ý ngữ.
- 5/ Uống rượu.

Trong năm giới này, giới thứ tư gồm tất cả mọi ác nghiệp của miệng (khẩu) rút ra từ trong thuyết thập ác.

III - Năm điều giới cấm, dành cho Bồ-tát tại gia thọ trì theo các kinh *Đại Nhứt 6*, *Thọ phương tiện học xứ, Đại Nhứt kinh số 18*, thì hoàn toàn cấm tuyệt gồm có:

- 1/ Đoạt sinh mạng,
- 2/ Không cho mà lấy,
- 3/ Nói lời hư dối,
- 4/ Dục tà hạnh,
- 5/ Tà kiến.

Đối với năm giới trên, bốn giới đầu theo vị trí sắp xếp thì giới 3 và 4 có sự hoán cải nhau vị trí, nhưng về ý nghĩa giới điều không có gì chống trái, chỉ trừ giới thứ 5 là uống rượu ở đây thay vào giới tà kiến. Tham chiếu thêm các kinh *Tạp A Hàm 31*, *Tăng Nhất A Hàm 7*, *Ưu-bà-tắc giới 6*, *Ưu-bà-tắc ngũ giới tướng*, và luận *Du-già Sư Địa 54*.

Đó là ba loại được các kinh các bộ luận đề cập về Ngũ giới. Về hai loại trên tuy trên mặt hình thức giới thứ 4 là vọng ngữ thuộc về miệng; nhưng dù có thêm vào ác

khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ hay vọng ngôn đi nữa, thì chúng cũng không ngoài ý nghĩa của nói dối. Do đó không có gì sai biệt trong ý tưởng. Chỉ có loại thứ ba của giới thứ năm thì, hai loại trên cùng là uống rượu; ở đây thay vào đó là tà kiến. Có lẽ ở đây chúng được thay vào như vậy là do đối tượng thọ trì là Cư sĩ Bồ-tát chứ không phải cư sĩ thường nên sự thay đổi này không làm mất đi nền tảng đưa đến giải thoát của những hành giả thọ trì. Hơn nữa giới thứ năm chỉ là giá giới, chứ không phải tánh giới thuộc về giới nền tảng, nên việc thay đổi ở đây không có gì phạm sai lầm, mà chỉ thay đổi theo đối tượng thọ trì trong chức năng đối trị căn cơ hành giả mà thôi.

Tóm lại, chúng ta ai muốn trở thành một Phật tử đúng nghĩa của nó, có nghĩa là chúng ta muốn đạt được địa vị như Ngài thì, cũng phải giải thoát cái khổ của thế gian để đạt an vui Niết-bàn tự tại như Ngài. Đó là con đường từ phàm lên Thánh, con đường từ khổ đến vui, chúng được trang bị nền tảng bằng ba vô lậu học Giới-Định-Tuệ. Vì Tam bảo có liên hệ đến căn nguyên thoát khổ của con người nên, người đời muốn thoát khổ thì phải quay về nương tựa nơi Tam bảo và thọ trì năm điều cấm giới để nhờ đó mà chúng ta có định sinh ra và, nhờ có định mà chúng ta phát sinh trí tuệ chúng đắc Niết-bàn an vui giải thoát như đức Phật.

TRÌ NĂM GIỚI



Đhật tử tại gia chúng ta phải trì năm giới mà mình đã thọ lãnh như thế nào để được gọi là người Phật tử chân chánh? Tu đúng với giới của mình đã nguyện thề suốt đời giữ gìn không phạm? Thật ra chúng ta giữ năm giới ở đây chính là chúng ta đang tu ba nghiệp thân-khẩu-ý. Người Phật tử tại gia chúng ta khi nào tu làm sao biến ba nghiệp trở thành trong sạch thì, đó là lúc chúng ta tu đúng pháp Phật còn nếu chúng ta tu mà không khiến ba nghiệp trở nên trong sạch thì chúng ta chưa tu đúng với giới pháp của đức Phật..

Dưới đây là bảng liệt kê năm giới:

- 1/ Không sát sinh*
- 2/ Không trộm cắp*
- 3/ Không tà dâm*
- 4/ không nói dối*
- 5/ không uống rượu.*

Năm giới này chúng ta phối hợp với ba nghiệp Thân-Khẩu-Ý thì, giới thứ nhất không sát sinh, giới thứ hai không trộm cắp, giới thứ ba không tà dâm, chúng thuộc về giới thân; còn giới thứ tư không nói dối, giới thứ năm không uống rượu chúng thuộc về giới khẩu (miệng).

Ở đây chúng ta cần lưu ý một tí về việc phạm giới, chúng chỉ giới hạn trong phạm vi tướng (hình tướng), tức nếu chúng ta phạm thì phải căn cứ vào tướng phạm để mà kết luận phạm hay không phạm; vì ý chúng thuộc về tâm-ý vô hình vô tướng nên khi kết luận có phạm hay không phạm đức Phật không căn cứ vào phạm vi vô hình vô tướng của tâm-ý này để kết luận mà chỉ căn cứ vào tướng phạm chúng ta có thể thấy biết rõ ràng bằng mắt qua thân và miệng (khẩu) của chúng ta thôi. Ở đây về mặt hiện tượng, việc phạm giới, đức Phật chỉ căn cứ trên tướng phạm của thân và khẩu mà kết luận có phạm hay không có phạm, có nhiễm ô hay không nhiễm ô, có thanh tịnh hay không thanh tịnh mà thôi. Nhưng vì tướng phạm của Thân và miệng có được, là do sự thúc đẩy bởi tâm-ý mà phát sinh chứ không phải tự chính chúng, nên khi thân và miệng chúng ta phạm là ý chúng ta cũng phạm, vì ý luôn luôn dẫn đầu và làm chủ các hành vi tạo tác của thân-miệng chúng ta, hành vi thiện hay ác chúng sẽ hiện ra ngay trong hành động của thân và khẩu như trong kinh Pháp cú (dhammapada) phẩm song song kinh thứ 1 đức Phật dạy:

“Các pháp do ý dẫn đầu, làm chủ và tác động. Do vậy, nếu ai đem ý nghĩ vẫn đục mà miệng nói, thân làm,

thì sự khổ não đi theo người ấy như cái xe lăn theo chân con vật kéo xe ấy.” Kinh 2: “*Các pháp do ý dẫn đầu, làm chủ và tác động. Do vậy, nếu ai đem ý nghĩ trong sáng mà miệng nói, thân làm, thì sự an vui đi theo người ấy như bóng theo hình.*” (Độc Pháp cú Nam tông HT. Trí Quang biên tập)

Những kết quả thiện và ác sẽ đưa hành giả chúng ta đến chỗ khổ não hay an vui trong thực tế cuộc sống chúng ta, chúng luôn phù hợp với những tác nhân thiện ác đi trước đó để hành giả chúng ta lựa chọn hình thức nào cho những tác nhân của hành động chúng ta! Chính vì có những lựa chọn do chính chúng ta quyết định muốn khổ não hay an vui trong cuộc sống gần hay xa hơn nữa thì hành giả tự mình lựa chọn. Và cũng chính trong việc tự quyết định vận mệnh trong tương lai của chính chúng ta mà đức Phật đã giúp cho chúng ta trong việc lựa chọn tác nhân tạo nghiệp này qua năm giới điều căn bản cho người Phật tử tại gia chúng ta, nếu ai thực hành theo thì sẽ được an vui trong hiện tại và trong tương lai, ngược lại không không thực hành mà phạm vào thì sẽ chịu khổ não trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Năm giới này chúng tôi đã đem phối hợp với ba nghiệp thân-khẩu-ý để phân tích thì năm giới này được đức Phật coi thân và khẩu chỉ là một thứ công cụ trực tiếp cho ý thực hiện mọi sự tạo tác mà thôi, chứ tự thân chúng nếu không do sự tác động và thúc đẩy của ý thì tự chúng không tạo ra nghiệp; do đó tâm-ý chính là chủ nhân ông của mọi sự tác động tạo ra nghiệp nhân chính,

còn thân và miệng chỉ là căn phụ lệ thuộc vào sự chỉ đạo của ý căn mà thôi; nhưng nếu khi thân căn hoàn thành mọi sự việc tạo tác thì chính thân căn là tác nhân chính của việc tạo nghiệp đó và ý cũng trở thành tác nhân của riêng nó khi thân căn tạo tác xong công việc do ý điều khiển. Việc thân căn làm là làm theo sự chỉ huy và thúc đẩy của tâm-ý; nhưng khi nó nghe lời ý mà tạo tác công việc thì nó trở thành tác nhân của sự tạo tác đó và phải chịu nhận lãnh hậu quả những việc mà nó đã tạo ra. Như vậy mọi hành động tạo tác của tự thân chúng ta thiện hay ác thì chúng sẽ hiện ra rõ ràng trong việc làm và, cũng từ thân căn này chúng ta nhận ra được hành động của chúng ta thuộc thiện hay ác. Do đó nên đức Đạo sư cũng căn cứ vào thân căn để Ngài chế ra năm điều giới phát xuất từ lòng thương vô hạn của Ngài đối với chúng sanh mà Ngài phương tiện chỉ bày. Ngài muốn cho chúng ta có một cuộc sống an lạc hạnh phúc trong hiện tại và trong tương lai, nên Ngài dạy mọi hành động tạo tác của chúng ta luôn phải trong sạch thanh tịnh và, lúc nào cũng nên tránh xa mọi hành động tạo tác theo những việc làm nhiễm ô trói buộc; đó chính là phương pháp chỉ ác hành thiện: Là thân, không sát sinh sinh, không trộm cắp, không tà dâm; khẩu không nói dối, không uống rượu.

GIỮ GIỚI VÀ KHÔNG GIỮ GIỚI ĐEM LẠI CHO PHẬT TỬ CHÚNG TA NHỮNG LỢI ÍCH VÀ NHỮNG TAI HẠI GÌ?

Dù trên chúng tôi đã trình bày sơ lược của mục đích giữa giới sẽ mang lại an lạc trong đời hiện tại và cả trong vị lai. Vấn đề giữ giới đem lại an lạc không những chỉ cho cá nhân người giữ giới mà còn đem lại an lạc cho mọi người chung quanh trong xã hội nữa.

a/ An lạc cho cá nhân người giữ giới và cộng đồng: Mục đích của giới luật là ngăn ngừa chúng ta tạo ra việc ác (chỉ ác); vì chúng ta tạo ra việc ác tức là chúng ta đang tạo ra việc nuôi lớn lòng tham, lòng sân và lòng si, chúng là nguyên nhân sâu xa đưa chúng ta đến chỗ khổ đau và phiền não trong hiện tại cũng như trong tương lai trong ba cõi sáu đường. Ba sự việc này đức Phật thường gọi là ba độc, chúng thúc đẩy ý chúng ta khởi lên ý nghĩa chiếm hữu cho chúng ta, hoặc là vì lòng tham, hoặc là vì lòng sân hận, hoặc là vì lòng si mê mà khiến ý nghĩ khởi lên rồi đưa đến hành động của thân và miệng qua sự thúc đẩy của ý, khiến cho chúng ta hành động chỉ biết thỏa mãn lòng tham, lòng sân, lòng si của mình mà làm hại kẻ khác, làm đau khổ kẻ khác: Như thân chúng ta giết người giết sinh vật (sát sinh), cướp của, lừa gạt, lừa đảo kẻ khác (trộm cắp), phá hoại hạnh phúc của kẻ khác (tà dâm); Đây là những hành động thuộc về thân. Thân có thể tạo ra không biết bao nhiêu là nghiệp nhân

để đưa đến kết quả thọ quả khổ trong tương lai xa hay trong tương lai gần, tùy theo tác nghiệp của chúng sau khi hành động của thân hoàn thành tác động gọi là nghiệp nhân, để đưa đến thọ quả khổ gọi là nghiệp quả. Khi mà tác nhân của thân hoàn thành thì, ngay lúc đó tác nhân của ý cũng hoàn thành tác nghiệp để đưa đến thọ quả khổ tương ứng với tác nhân thiện hay ác. Đối với khẩu cũng vậy, khi miệng bị ý tác động nói ra những lời nói ác độc, thô bỉ (ác khẩu), những lời nói láo chia rẽ bằng hai lời đâm thọc bên này bên kia (lưỡng thiệt), những lời nói ngoa ngữ thêu dệt không đúng sự thật (ý ngữ), nói chung là tất cả những lời nói dối không đúng sự thật (vọng ngôn) với mục đích là làm thỏa mãn lòng tham, lòng sân, lòng si mê của mỗi cá nhân mọi người đem lợi về cho mình mà không nghĩ đến cái hại cho kẻ khác; đó là chúng ta đang nuôi lớn lòng tham, lòng sân hận, lòng si mê qua khẩu của chúng ta. Khi mà chúng ta dùng ý, thân miệng để thỏa mãn nuôi lớn lòng tham, lòng sân hận, sự si mê thì đó chính là những tai hại trong hiện tại cũng như trong tương lai của chúng ta đối với cuộc sống mà chúng ta vì vô minh mê hoặc nên không biết được. Ở đây đức Đạo sư không những khuyên miệng chúng ta không nói dối, không nói lời thô ác, không nói hai lưỡi, không nói những lời thêu dệt sai sự thật mà miệng còn không được uống rượu nữa, vì rượu là một chất kích thích, làm cho đầu óc chúng ta say mê không còn đủ sáng suốt để nhận định việc đúng sai, không còn làm chủ được chính mình từ trong suy nghĩ hành động kẻ cả thân xác nữa. Lúc con người say không làm chủ

được bản thân thì bất cứ việc ác gì chúng ta cũng có thể làm.

Tất cả những việc làm trên là nguyên nhân đưa đến những quả khổ não trong sinh tử luân hồi, cho nên đức Đạo sư đã khuyên răn chúng ta phải tuân hành việc không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm (thân), không nói dối (miệng), không uống rượu (thân, miệng) là như vậy. Vì chúng ta không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu thì: thứ nhất chúng ta không tạo ra ác nhân nuôi lớn lòng tham lam, lòng sân hận, lòng si mê cho cá nhân mình (nhân chánh báo) và, xã hội (nhân y báo), thứ hai không tạo ra nhân ác trong hiện tại, nên sẽ không nhận quả báo ác trong tương lai. Chúng là những nguyên nhân gần khiến cho chúng ta an tâm vui sống trong hiện tại vì chúng ta không tạo nhân ác cho nên chúng ta không sợ quả báo ác sau này đối cá nhân chúng ta và, chúng cũng không tạo nhân ác ảnh hưởng hỗ tương đến cộng đồng xã hội gần nhất là gia đình xa hơn nữa là ra ngoài xã hội. Vì mỗi cá nhân trong xã hội an vui an ổn trật tự hòa bình hạnh phúc thì xã hội đó cũng an bình hạnh phúc. Mỗi người trong xã hội chúng ta ai ai cũng không giết hại nhau, không sát hại những chúng sinh có sinh mạng; không trộm cắp nhau những của không phải là của mình; không phá vỡ hạnh phúc gia đình người khác; không nói dối lừa đảo nhau; không nói lời thô ác với nhau; không nói đâm thọc gây mâu thuẫn chia rẽ nhau; không nói những lời thêu dệt quá đáng không đúng sự thật và, mọi người không ai uống rượu làm say sưa, làm mất đi trí khôn,

không làm chủ mình để trở thành những kẻ tàn ác, không việc ác nào là không làm. Mọi người trong xã hội đều tránh không làm những việc ác và như vậy thì xã hội sẽ trở thành một cõi cực lạc, sống trong an lành hạnh phúc với nhau. Đó là chúng tôi mới đề cập việc trì (giữ) giới theo chiều hướng tiêu cực chứ chúng tôi chưa đề cập đến việc trì giới theo hướng tích cực ngược lại không sát sinh thì phóng sinh; không trộm cắp thì bố thí; không tà dâm ngược lại thủ tiết trong sạch trì trai hộ giới; không nói dối mà luôn luôn thành tín đối với mọi người và, giữ miệng không phạm vào bốn lỗi (vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt); không uống rượu mà còn tôn sùng pháp lành, gắng tu phạm hạnh. Nếu chúng ta vừa giữ không làm ác (chỉ ác) mà còn hành thiện (tích cực) thì không những trong cuộc sống hiện tại đem đến mọi sự an lạc hạnh phúc cho chính mình mà còn đem lại hạnh phúc cho xã hội nữa và, trong tương lai sẽ sinh vào các cõi trời hưởng lạc vô cùng. Khi mà mọi người biết chỉ ác (giữ giới) ý-thân-miệng không tạo ra tác nhân ác để trở thành ba nghiệp thân-khẩu-ý thì đương nhiên trong hiện tại chúng ta không chịu quả báo ác gần và cả trong tương lai chúng ta cũng không chịu quả báo ác nữa, vì nhờ nhân thiện tại chúng ta đã không tạo ra nhân nên quả báo trong tương lai sẽ không có. Riêng hiện tại chúng ta chỉ còn chịu quả dư báo trong hiện tại và, nếu chúng ta tích cực hành thiện, thì nhờ việc giữ giới tích cực này mà các dư báo ác trong hiện tại chúng ta sẽ từ từ tiêu dần hết và, đến một ngày nào đó ba nghiệp chúng ta trở thành thanh tịnh như băng tuyết. Đó là lúc việc giữ giới của chúng ta hoàn thành cả hai mặt tiêu cực và tích cực

trong việc giữ gìn năm giới này. Qua việc chỉ ác chúng ta luôn trì giữ năm điều luật như đức Đạo sư đã dạy trên, trước hết chúng ta không những hoàn thành nhân chánh báo an lạc cho chính mọi người trong chúng ta là không tạo nhân ác nên sẽ không hưởng quả báo ác trong tương lai gần cũng như xa, mà chính chúng ta còn cải tạo kiến lập một nhân y báo cho một xã hội an lành hạnh phúc trong hiện tại về mặt tiêu cực mà còn tạo nhân cho y báo trong tương ở các cõi trời nữa nếu chúng ta tích cực hành thiện.

b/ Không giữ giới chúng sẽ đem lại cho chúng ta những tác hại nào cho cá nhân và cộng đồng? Điều này chúng ta thấy rất rõ ràng là nếu chúng ta không giữ giới và làm ngược lại năm điều cấm giới đức Phật đã dạy thì, dĩ nhiên là những hậu quả của mọi hành động mà chúng ta đã tạo ra (nhân chánh báo) ắt sẽ đưa đến những hậu quả tai hại cho cá nhân và ảnh hưởng đến cộng đồng xã hội (nhân y báo) ngay trong hiện tại và tương lai nữa. Ở đây hành giả tu Phật chúng ta nếu không giữ giới mà ngược lại còn phạm giới thì, những hành động tạo tác ra nhân ác sẽ càng ngày càng nuôi lớn lòng tham lam, lòng sân hận, lòng si mê, nuôi lớn bản ngã, làm dày vô minh thêm lên và tạo ra những bất an óan đối với nhau trong cuộc sống trả vay, cuối cùng vĩnh viễn trôi lăn theo nghiệp dữ trong sáu đường ác mà thôi. Vì như chúng ta biết hành động giết người cướp của, trộm cắp, tà dâm, nói dối để lừa gạt mọi người đem lợi về mình, mang hại lại cho kẻ khác hay, uống rượu say sưa không biết đâu là phải đâu là trái, làm cuồng theo bản năng mất trí của

minh thì những tai hại oán đối luôn luôn rình rập trong cuộc sống, chỉ nuôi lớn thêm ba độc và bản ngã mà thôi. Trong một cộng đồng xã hội mà ai cũng phạm vào năm điều cấm giới này thì thử hỏi cá nhân mỗi người có cuộc sống an ổn hay không, xã hội có trật tự và hạnh phúc an vui hay không? Điều này dĩ nhiên là tự cá nhân mọi người sẽ bị tổn giảm không được an vui trong cuộc sống vì những oán đối mà chúng ta đã tạo ra (chánh báo ác) không những chỉ trong đời này mà còn trong đời khác nữa, khi nào những oán đối đó trả xong thì mới hết bất an cuộc sống của mình, mà chúng cũng ảnh hưởng hỗ tương duyên khởi đến môi trường sống của xã hội nữa. (Xin đọc thêm Năm pháp có thể đưa đến khổ đau hay hạnh phúc trong Phật Pháp căn bản-Thích Đức Thắng)

Tóm lại qua năm điều cấm giới này nếu Phật tử chúng ta giữ gìn theo những gì đức Đạo sư đã dạy thì, không những hạnh phúc an lạc sẽ đến trong đời này cho cá nhân mọi người mà cho cả xã hội nữa; ngoài những giá trị này ra chúng còn khiến cho chúng ta thanh tịnh được tác nhân ba nghiệp thân-khẩu-ý trong hiện tại nữa và, còn làm vơi bớt lòng tham lam, lòng sân hận, lòng si mê để từ đó tiến lên một nấc thang nữa là hành thiện nuôi lớn lòng từ bi bào mòn dần ba độc của dư báo nhằm hoàn thành ba nghiệp thanh tịnh theo chiều hướng giải thoát khổ đau trong sinh tử luân hồi. Nếu hành giả nào thực hành được năm điều giới cấm theo đức Phật đã dạy thì chúng ta đã và đang hoàn thành chánh báo cùng y báo trang nghiêm cho tự thân và xã hội của chúng ta đang trú ngụ.